TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quang.

2. Ông Lê Ngọc Thơm.

Thư ký phiên toà: Ông Võ Chí Công – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Nữ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 93/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2020, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1999 - Địa chỉ: Thôn Phước Hải, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1996 - Địa chỉ: Thôn Cam Bình, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa của nguyên đơn bà Phạm Thị H có nội dung như sau:**

Bà và ông Nguyễn Quốc T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 04/4/2018.

Sau khi kết hôn vào năm 2018 thì vợ chồng bà sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của bà ở thôn Phước Hải, xã Tân Phước, thị xã L. Vợ chồng bà sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là ông T đi làm xa không có điều kiện chăm sóc vợ con nhưng mỗi khi về thì ông T tụ tập ăn nhậu không quan tâm gì đến vợ con. Bà nhiều lần khuyên can nhưng ông T không sửa đổi, hiện ông T đã dọn về nhà cha mẹ ruột ở thôn Cam Bình, xã Tân Phước sinh sống, hiện nay ông T đi đâu, làm gì thì bà không biết. Từ tháng 05/2020 đến nay ông T không về thăm con. Khi nộp đơn ly hôn, bà có báo cho ông T biết thì ông T nói bà thích làm gì thì làm. Khi vợ chồng bà mâu thuẫn thì gia đình 02 bên không có ý kiến gì, vợ chồng bà cũng không nhờ chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải. Hiện bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 người con chung tên Nguyễn Phạm An V, sinh ngày 09/11/2018 (giới tính nữ), hiện đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về phía bị đơn – Ông Nguyễn Quốc T:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt không lý do.

* Qua xác minh thì vợ chồng bà H, ông T có mâu thuẫn như bà Hân trình bày.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà Hân được ly hôn ông T; Về con chung: Giao người con tên Nguyễn Phạm An V, sinh ngày 09/11/2018 (giới tính nữ) cho bà H nuôi dưỡng; Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:** Xét yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ tại thôn Cam Bình, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Nguyễn Quốc T vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

3.1. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Quốc T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 04/4/2018, vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, dù đã được Tòa án nhiều lần khuyên can nhưng bà H vẫn một mực kiên quyết yêu cầu ly hôn ông T vì thực tế bà đã tìm nhiều cách hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả; Về phía bị đơn ông Nguyễn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không lý do, qua đó cho thấy ông T bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa vợ chồng bà H, ông T thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau. Như vậy, ông Nguyễn Quốc T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đó là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. **Về con chung:** Vợ chồng bà có 01 người con chung tên Nguyễn Phạm An V, sinh ngày 09/11/2018 (giới tính nữ), hiện đang sống với bà H. Khi ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và người con hiện đang dưới 36 tháng tuổi, do đó để đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt của cháu V đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, việc học hành và tinh thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu V cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3. **Về cấp dưỡng nuôi con**: Do bà H không yêu cầu ông Thịnh cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử đã giải thích cho bà H hiểu rằng việc yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con là quyền lợi của con nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Tuy nhiên, bà H trình bày rằng việc không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, bà có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con nên Hội đồng xét xử không buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

3.4. **Về tài sản chung, nợ chung**: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về án phí:** Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Tuyên xử: "Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn"

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn ông Nguyễn Quốc T.

2. Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Phạm An V, sinh ngày 09/11/2018 (giới tính nữ) cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng,

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022723 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2020). Ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND x. Tân Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn